

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VỊ THỦY  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/DS-ST  
Ngày: 18- 5- 2022  
V/v: Tranh chấp về hợp  
đồng dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Quyền Trân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Nguyễn Văn Em

2/ Ông Đặng Văn Côn

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Trung Toàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2021/TLST– DS ngày 26/11/2021, vụ án “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-DS, ngày 29/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2022/QĐST-DS, ngày 28/4/2022, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Bà Thị B, sinh năm 1970, địa chỉ: ấp 8, xã V, huyện T, tỉnh G (có mặt).

*- Bị đơn:* Bà Tiêu Thị H X, sinh năm 1988, địa chỉ: ấp 8, xã V, huyện T, tỉnh G (vắng mặt).

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Thị H (Nguyễn Thị H), sinh năm 1960, địa chỉ: ấp 4, thị trấn M, huyện T, tỉnh G (vắng mặt)

2/ Ông Lý D, sinh năm 1969, địa chỉ: Ấp 8, xã V, huyện T, tỉnh G (vắng mặt).

3/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960, nơi thường trú: khu vực N, phường M, thành phố T, tỉnh G, nơi ở hiện tại: Ấp 8, xã V, huyện T, tỉnh G (vắng mặt).

4/ Ông Lê Ngọc R, sinh năm 1977, địa chỉ: Ấp 8, xã V, huyện T, tỉnh G (vắng mặt).

(Bà B có mặt; các đương sự còn lại vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Thị B trình bày: Nguyên đơn với bị đơn bà Tiêu Thị H X là hàng xóm. Năm 2015, bà B có cho bà X vay 13 chỉ vàng 04 số (loại vàng nhẫn 24k bốn số 9) với lãi suất 200.000 đồng/chỉ/tháng, bà X có viết biên nhận nhưng đã hủy bỏ, bà B giao vàng trực tiếp cho bà X có mặt chồng bà X là ông Lê Văn R và chồng bà B là ông Lý D. Mục đích vay nợ thì bà B không biết. Nguồn gốc số vàng bà cho bà X vay là bà B vay của chị ruột là bà Thị H 08 chỉ vàng bốn số, và của bà là 05 chỉ vàng bốn số, tổng cộng 13 chỉ vàng bốn số, bà B cho bà X vay lại số vàng này. Số vàng mà bà vay của bà Thị H thì bà đã trả nên bà không có yêu cầu đối với bà Thị H trong vụ án. Từ khi vay vàng cho đến ngày 30/11/2017, bà X không trả lãi nên bà yêu cầu bà X trả hết nợ vay. Do đó, ngày 30/11/2017, tại nhà bà X, bà Nguyễn Thị H (mẹ ruột X) trả cho bà được 05 chỉ vàng bốn số và bà X tự viết biên nhận còn thiếu bà 08 chỉ vàng bốn số và 20 triệu đồng tiền lãi, thỏa thuận trong 02 năm sẽ trả đủ vàng và tiền lãi. Từ ngày 30/11/2017 cho đến nay, bà X chưa trả vàng và trả lãi theo thỏa thuận, mặc dù bà đã đòi nợ nhiều lần. Do đó, bà B yêu cầu bà Tiêu Thị H X trả cho bà 08 chỉ vàng bốn số và 20 triệu đồng tiền lãi như đã hứa theo biên nhận ngày 30/11/2017. Tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu trả lãi suất, chỉ yêu cầu bà X trả 08 chỉ vàng và xác định là vàng 24K loại 99,99%.

Tại văn bản ngày 11/03/2022, bà Tiêu Thị H X trình bày: Trước đây bà có vay 13 chỉ vàng 24K loại vàng bốn số 9 của bà Thị B, thỏa thuận lãi suất 200.000 đồng/chỉ/tháng, bà có trả lãi được vài tháng nhưng không nhớ trả được bao nhiêu do khi trả lãi không có làm giấy tờ, sau đó thì không có khả năng trả

lãi. Đến năm 2017, bà Nguyễn Thị H (mẹ ruột bà) đã thay mặt bà trả cho bà B 05 chỉ vàng 24K và bản thân bà có ghi giấy nợ ngày 30/11/2017 với nội dung là bà còn nợ bà B 08 chỉ vàng 24K loại vàng bốn số 9 và 20 triệu đồng tiền lãi, hứa trong 02 năm trả đủ vốn rồi trả tiền lãi. Đến năm 2018, bà B dẫn bà đến nhà bà Thị H (chị ruột bà B), nói là số vàng cho bà vay có một phần là của bà Thị H. Nên bà Thị H đã viết biên nhận với nội dung là bà có nợ bà Thị H 08 chỉ vàng 24K, bà có ký tên vào biên nhận, trong biên nhận không có ghi lãi. Mục đích viết biên nhận nợ này để chuyển từ việc bà nợ bà B sang nợ bà Thị H, do bà không có khả năng trả nợ cho bà B nên bà đồng ý ký nợ sang bà Thị H để kéo dài thời gian trả nợ. Từ lúc ký biên nhận đến nay, bà Thị H không có đòi nợ bà lần nào mà chỉ có bà B đòi nợ bà. Bà xác định là bà có nợ 08 chỉ vàng 24K loại vàng bốn số 9 và bà đồng ý trả cho bà B hoặc là bà Thị H số vàng nợ này. Bà đồng ý trả 08 chỉ vàng 24K loại vàng bốn số 9 cho bà B, do hoàn cảnh khó khăn nên không đồng ý trả lãi. Đồng thời bà yêu cầu bà Thị H phải hủy bỏ biên nhận nợ vào năm 2018 với nội dung bà thiếu nợ bà Thị H 08 chỉ vàng 24K. Bà vay vàng của bà B là để lo cho cuộc sống của gia đình, chồng bà là ông Lê Ngọc R có biết và thống nhất nên bà xác định đây là nợ chung của vợ chồng nên vợ chồng ông bà cùng có nghĩa vụ trả nợ cho bà Thị B. Đối với số vàng mà mẹ của bà trả cho bà B thay bà thì mẹ của bà đã cho bà số vàng này nên không có yêu cầu gì. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại văn bản ngày 11/3/2022, bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà là mẹ ruột của Tiêu Thị H X. Trước đây, bà X có vay 13 chỉ vàng 24K loại vàng bốn số 9 của bà Thị B nhưng do bà X không có khả năng trả nợ nên năm 2017 bà có thay bà X trả cho bà B 05 chỉ vàng 24K. Việc trả nợ thay này là tự nguyện và bà không có yêu cầu gì trong vụ án này vì bà đã cho bà X số vàng này. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại văn bản ngày 28/02/2022, ông Lý D trình bày: Ông là chồng của bà Thị B. Trước đây khoảng 06 năm, bà X và chồng là ông R có đến nhà ông hỏi vay vàng, ông đồng ý để vợ cho vợ chồng bà X vay vàng, việc giao nhận ông không chứng kiến cũng không có hỏi bà B cho vay bao nhiêu vàng. Sau này, bà B đòi nợ nhiều lần không được nên đi kiện thì ông mới biết là cho vợ chồng bà X vay 13 chỉ vàng bốn số 9. Cách đây mấy năm bà X có trả cho bà B được 05 chỉ vàng và còn nợ lại 08 chỉ vàng và tiền lãi. Bà B có mượn vàng của bà Thị H

(chị bà B) cho vợ chồng bà X vay lại, nhưng mượn bao nhiêu thì ông không rõ. Hiện tại, thì bà B đã trả cho xong bà Thị H. Ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà B, ông không có ý kiến hay yêu cầu khác. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại văn bản ngày 22/3/2022, bà Thị H trình bày: Bà thừa nhận lời khai của bà X tại văn bản ngày 11/3/2022 đối với biên nhận nợ năm 2018 có nội dung bà X nợ bà 08 chỉ vàng 24K loại vàng bốn số chín. Do bà B có vay vàng của bà để cho bà X vay nên muốn chuyển số vàng của bà X nợ sang cho bà. Nhưng sau đó, do là chị em nên số vàng bà B nợ bà thì bà đã cho bà B hết. Nên bà xác định là bà X chỉ nợ bà B chứ không có nợ bà. Về biên nhận thì bà đã đưa cho bà B giữ và đã hủy biên nhận rồi. Do vụ án không còn liên quan đến bà nên bà yêu cầu vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đối với ông Lê Ngọc R, quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định nhưng ông Lê Ngọc R đều vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng pháp luật; Về ý thức chấp hành pháp luật của ông Lê Ngọc R là chưa đúng pháp luật. Về ý thức chấp hành pháp luật của các đương sự còn lại là đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 08 chỉ vàng 24K (loại vàng 99,99%). Đình chỉ xét xử phần lãi suất do nguyên đơn đã rút yêu cầu. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, nguyên đơn được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp.

Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không có.

Vấn đề các đương sự thỏa thuận được, không thỏa thuận được: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật: Vào năm 2017, giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận một hợp đồng vay tài sản là vàng, trong quá trình thực hiện hợp đồng đã phát sinh tranh chấp, nên nguyên đơn khởi kiện, do bị đơn cư trú tại ấp 8, xã Vị Thủy, huyện Vị Thủy. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp thuộc trường hợp “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[1.2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Đối với bà Tiêu Thị H X, bà Thị H, ông Lý D, bà Nguyễn Thị H có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt; Đối với ông Lê Ngọc R, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Áp dụng pháp luật về nội dung: Giao dịch giữa các bên được xác lập vào ngày 30/11/2017, nên áp dụng Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết tranh chấp.

[4] Về nội dung khởi kiện:

[4.1] Nguyên đơn bà Thị B khởi kiện bị đơn bà Tiêu Thị H X yêu cầu trả 08 chỉ vàng 24K loại vàng bốn số chín và 20 triệu đồng tiền lãi theo văn bản ngày 30/11/2017. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, phía nguyên đơn cung cấp cho Tòa án bản gốc văn bản ghi nợ ngày 30/11/2017 của bị đơn. Về phía bị đơn, quá trình thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thu thập chứng cứ là một thời gian dài, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt, không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đến ngày 11/3/2022, tại biên bản lấy lời khai, bà Tiêu Thị H X thừa nhận vào ngày 30/11/2017 có trả cho bà Thị B 05 chỉ vàng 24K nợ trước đó và có ghi giấy nợ với nội dung nợ bà B 08 chỉ vàng 24K loại vàng bốn số 9 và 20 triệu đồng tiền lãi, cam kết trong hai năm trả đủ vốn rồi trả tiền lãi (lãi) cho bà B. Mặc dù văn bản ghi nợ có hình thức và nội dung chưa đảm bảo nhưng bị đơn đã thừa nhận có ghi giấy nợ này và cũng thừa nhận số nợ 08 chỉ vàng 24K loại vàng bốn số 9 và 20 triệu đồng tiền lãi nên nguyên đơn không phải chứng minh. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số nợ là 08 chỉ vàng 24K loại vàng bốn số 9 là có căn cứ.

[4.2] Về loại vàng vay, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận là vàng 24K loại vàng bốn số 9 nên có căn cứ xác định đây là vàng 24K loại 99,99%.

[4.3] Về lãi suất: Tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu trả lãi suất. Do đó, đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu về lãi suất.

[5] Đối với bà Thị H, tại văn bản ngày 22/3/2022, bà thừa nhận lời khai của bà X tại văn bản ngày 11/3/2022 về biên nhận nợ năm 2018 có nội dung bà X nợ bà 08 chỉ vàng 24K loại vàng bốn số 9. Nguyên nhân của biên nhận nợ này là do bà B có vay vàng của bà để cho bà X vay lại nên giữa bà và bà B thỏa thuận chuyển số nợ vàng của bà X sang cho bà để bà đòi nợ. Nhưng sau đó, do là chị em nên số vàng bà B nợ bà thì bà đã cho bà B hết, bà xác định bà B không còn nợ vàng bà. Do đó, bà Thị H thừa nhận bà X chỉ nợ vàng bà B chứ không có nợ vàng đối với bà. Về biên nhận nợ năm 2018 thì bà Thị H đã đưa cho bà B giữ và đã hủy biên nhận. Như vậy, xác định biên nhận nợ năm 2018 có nội dung bà Thị H X nợ bà Thị H 08 chỉ vàng 24K loại vàng bốn số 9 là không đúng thực tế và không có giá trị chứng minh.

[6] Đối với bà Nguyễn Thị H thừa nhận bà là mẹ bà X và có thay bà X trả cho bà B 05 chỉ vàng 24K, việc trả nợ thay này là tự nguyện và không có yêu cầu gì trong vụ án này nên không xem xét giải quyết.

[7] Đối với ông Lý D thừa nhận ông là chồng của bà B và thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà B, ông không có yêu cầu gì trong vụ án nên không xem xét giải quyết.

[8] Đối với ông Lê Ngọc R, quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định nhưng ông đều vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về phía bà X cho rằng khoản nợ bà B là nợ chung của vợ chồng nhưng bà không đưa ra yêu cầu, không đưa ra chứng cứ để chứng minh. Mặt khác, Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của ông R, phía nguyên đơn cũng không có yêu cầu ông R trả nợ, do đó chưa có cơ sở để xem xét giải quyết. Bà X và ông R có quyền thỏa thuận hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xác định tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân khi có yêu cầu.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định trên cơ sở giá vàng 24K loại 99,99% ngày xét xử là 5.440.000 đồng x 08 chỉ vàng x 5% án phí

= 2.176.000 đồng tiền án phí; Nguyên đơn được nhận lại tạm ứng án phí theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên đề xuất hướng giải quyết vụ án là có căn cứ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 5, 6, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 147, 227, 228, 244, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 463, 465, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Tiêu Thị H X có nghĩa vụ trả cho bà Thị B 08 (tám) chỉ vàng 24K (loại 99,99 %).

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu về lãi suất .

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Tiêu Thị H X phải nộp số tiền là 2.176.000 đồng (hai triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn bà Thị B được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002600, ngày 26 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và

9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- Công TTĐT TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Quyền Trân**